

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 736/2025/DS-ST

Ngày: 26-09-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Tuyết Hằng
- Bà Trần Thúy Trân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 09 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 06 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2025/QĐXXST-DS ngày 06/08/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 276/2025/QĐST-DS ngày 03/09/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã T.**

Địa chỉ: 52-54 Bùi Thị X, phường B (phường T, Quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Quyết định số 2539/QĐ-UB ngày 13/6/2002 của UBND Thành phố).

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Ngọc H**; Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: 52-54 Bùi Thị X, phường B (phường T, Quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Bình Tân, trực thuộc Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã T. Địa chỉ: 39 đường số B, khu dân cư V, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Quyết định số 25/2017/QĐ-GĐ ngày 16/6/2017 do Giám đốc Trần Ngọc H ký).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Ngọc H: Ông **Hoàng Kinh T**; Chức vụ: Trưởng Chi nhánh Bình Tân; Địa chỉ: 39 đường số B, khu dân cư V, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt và có nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu L**, sinh năm: 1977. (Vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: C21/6 Ấp D, xã V (xã A, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 05 năm 2025, bản tự khai ngày 08/7/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn – ông Hoàng Kinh T trình bày như sau:

Thông qua Hợp đồng này Quỹ trợ vốn CCM – Chi nhánh Bình Tân đã tiến hành trợ vốn cho 29 thành viên vào ngày 17/11/2023 (có danh sách ký nhận tiền đính kèm), phương thức trợ vốn: góp tháng, thời hạn trợ vốn: 12 tháng, phí trợ vốn CCM: 0,65%/tháng (phí này dùng trang trải chi phí hoạt động nội bộ của quỹ CCM – gọi tắt là phí CCM), phí hoa hồng cho Cấp liên nhiệm: 0,15%/tháng (phí này để Cấp liên nhiệm trang trải các chi phí phục vụ cho quá trình thu hồi vốn phí, tiết kiệm cho Quỹ trợ vốn CCM - gọi tắt là phí CLN), tiết kiệm bắt buộc là: 1.0%/tháng (khoảng tiết kiệm này được hoàn trả cho thành viên xin trợ vốn khi hoàn tất hợp đồng vay vốn và Quỹ trợ vốn CCM không trả lãi tiết kiệm trên số dư tiết kiệm này).

Trong đợt trợ vốn ngày 17/11/2023 bà Nguyễn Thị Thu L đã làm đơn xin trợ vốn và được duyệt trợ vốn số tiền 60.000.000 đồng. Theo kế hoạch thì bà Nguyễn Thị Thu L phải góp hàng tháng là: 6.120.000 đồng trong 11 tháng đầu, tháng cuối góp 5.640.000 đồng và góp đều cho đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 17/11/2024. Thế nhưng bà Nguyễn Thị Thu L không góp đúng theo kế hoạch ban đầu.

Đến ngày 26/09/2025 bà Nguyễn Thị Thu L đã trả như sau:

- Ngày 13/12/2023 đóng 6.120.000 đồng.
- Ngày 15/01/2024 đóng 6.120.000 đồng.
- Ngày 23/02/2024 đóng 6.120.000 đồng.
- Ngày 15/04/2024 đóng 6.120.000 đồng.
- Ngày 25/04/2024 đóng 6.120.000 đồng.
- Ngày 03/07/2024 đóng 2.850.000 đồng.
- Ngày 25/09/2024 cân trừ tiền tiết kiệm 16.880.000 đồng.

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Thu L đã trả cho Quỹ CCM là 50.330.000 đồng bao gồm vốn 44.426.000 đồng, lãi (phí) 2.624.000 đồng và tiết kiệm 3.280.000 đồng.

Đến ngày 26/09/2025, bà Nguyễn Thị Thu L vẫn chưa hoàn trả hết số nợ cho Quỹ trợ vốn CCM. Tổng số tiền nợ 18.710.000 đồng, bao gồm nợ vốn: 15.574.000 đồng; Nợ lãi (phí) 3.136.000 đồng, không kể phần tiết kiệm chưa thu là 3.920.000 đồng.

Vì vậy, Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã T đề nghị xem xét, giải quyết như sau: Buộc bà Nguyễn Thị Thu L (có địa chỉ nêu trên) có trách nhiệm phải hoàn trả toàn bộ số tiền nợ cho Quỹ trợ vốn CCM – Chi nhánh Bình Tân, tổng cộng số tiền là 18.710.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm mười nghìn đồng) theo đợt trợ vốn ngày 17/11/2023, bao gồm nợ vốn: 15.574.000 đồng; Nợ lãi (phí) 3.136.000 đồng và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm ông bà Nguyễn Thị Thu L thanh toán xong nợ.

Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã T rút yêu cầu đề nghị ông Phạm Thanh L, địa chỉ: C21/6 Ấp 3 xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phải trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị Thu L khoản nợ nêu trên.

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có nộp đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thu L đã được Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt tại nơi cư trú C21/6 Ấp D, xã V (xã A, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Thu L vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu L vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án dân sự: Căn cứ Đơn đề nghị trợ vốn ngày 01/11/2023, Danh sách đề nghị trợ vốn của xã viên, người lao động trong THT, HTX ngày 14/11/2023, Danh sách nhận trợ vốn kiêm biên bản bàn giao vốn ngày 17/11/2023 và Tờ trình xét duyệt trợ vốn ngày 17/11/2023 có thể hiện bà Nguyễn Thị Thu L đã làm đơn xin trợ vốn và được duyệt trợ vốn số tiền là: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), thời hạn trợ vốn là 12 tháng, phí trợ vốn CCM là 0,65%/tháng, phí hoa hồng cho Cấp liên nhiệm là 0,15%/tháng, tiết kiệm bắt buộc là 1,0%/tháng, bà Loan có nhận đủ tiền. Do bà Loan vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã T yêu cầu bà Loan có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền là: 18.710.000 đồng, bao gồm nợ vốn là: 15.574.000 đồng; nợ lãi (phí) là: 3.136.000 đồng và và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bà Nguyễn Thị Thu L thanh toán xong nợ, yêu cầu của Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã T là có cơ sở chấp nhận. Về án phí: bà Nguyễn Thị Thu L chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã T nộp đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu L trả tiền theo Hợp đồng vay tài sản. Do đó, Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo kết quả xác minh của Công an xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 07/8/2025 như sau: “Đương sự Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1977 có hộ khẩu thường trú tại: C21/6 Ấp C, xã V (Ấp B, xã A, huyện X cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ C21/6 Ấp C, xã V (Ấp B, xã A, huyện X cũ), Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà, không thực

tế cư trú”. Tại Đơn Đơn đề nghị trợ vốn ngày 01/11/2023, Danh sách đề nghị trợ vốn của xã viên, người lao động trong THT, HTX ngày 14/11/2023, Danh sách nhận trợ vốn kiêm biên bản bàn giao vốn ngày 17/11/2023 và Tờ trình xét duyệt trợ vốn ngày 17/11/2023 mà bị đơn đề nghị được trợ vốn có ghi địa chỉ của bị đơn cư trú là: C21/6 Ấp C, xã V (Ấp B, xã A, huyện X cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao quy định bị đơn theo địa chỉ ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản, nếu có thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc mới mà không thông báo cho người giao dịch hoặc ký hợp đồng biết về nơi cư trú, làm việc mới đó thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung nên Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Nguyên đơn – Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã T có nộp đơn yêu cầu vắng mặt và được Tòa án chấp nhận. Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thu L vắng mặt không lý do tại phiên tòa đến lần thứ hai. Do đó, Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định là phiên tòa vẫn tiến hành xét xử.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa các đương sự xác lập vào thời điểm Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực thi hành. Do đó, Tòa án căn cứ vào các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 làm cơ sở giải quyết.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[5] Nguyên đơn – Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã T yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu L trả tổng số tiền nợ là: 18.710.000 đồng (Mười tám triệu, bảy trăm mười nghìn đồng), bao gồm nợ vốn gốc là: 15.574.000 đồng; nợ lãi (phí) là: 3.136.000 đồng và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bà Nguyễn Thị Thu L thanh toán xong nợ.

[6] Bị đơn - bà Nguyễn Thị Thu L không cung cấp địa chỉ nơi cư trú mới của bà Loan, bà Loan vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử mà không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tại phiên tòa, cho nên được xem là từ bỏ quyền yêu cầu trình bày của mình tại Tòa án.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã T. Về án phí: bà Nguyễn Thị Thu L chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[8] Căn cứ Hợp đồng liên kết số 024/18/LK-BT; Đơn đề nghị trợ vốn ngày 01/11/2023; Đề nghị duyệt trợ vốn ngày 14/11/2023; Danh sách nhận trợ vốn kiêm

biên bản bàn giao vốn ngày 17/11/2023 và Tờ trình xét duyệt trợ vốn ngày 17/11/2023 có thể hiện nguyên đơn có cho bị đơn vay trợ vốn số tiền là: 60.000.000 đồng, theo kế hoạch thì bà Nguyễn Thị Thu L phải góp hàng tháng là: 6.120.000 đồng trong 11 tháng đầu, tháng cuối góp 5.640.000 đồng và góp đều cho đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 17/11/2024. Thế nhưng bà Nguyễn Thị Thu L không góp đúng theo kế hoạch ban đầu, bà Nguyễn Thị Thu L đã trả cho Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã T tổng cộng số tiền là 50.330.000 đồng, bao gồm số tiền vốn là: 44.426.000 đồng, số tiền lãi (phí) là: 2.624.000 đồng và tiết kiệm là: 3.280.000 đồng. Cụ thể, bà Nguyễn Thị Thu L đã trả tổng số tiền nêu trên từ ngày 13/12/2023 đến ngày 03/7/2024 thì ngưng không tiếp tục trả nợ, đối với số tiền còn lại là vào ngày 25/9/2024, Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã T đã thực hiện việc cản trừ số tiền tiết kiệm. Ngày 25/09/2025 nguyên đơn nộp đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Phạm Thanh L phải trả nợ thay có bà Nguyễn Thị Thu L trong trường hợp bà Loan không có khả năng thanh toán nợ, Hội đồng xét xử ghi nhận. Ngoài ra phía nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử, chỉ yêu cầu bắt đầu tính lãi kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Bị đơn không liên hệ nguyên đơn để thương lượng thỏa thuận giải quyết số nợ còn thiếu, kéo dài thời gian, trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ, không cung cấp địa chỉ cư trú mới cho nguyên đơn. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình coi như từ bỏ quyền trình bày của mình tại phiên tòa. Căn cứ Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 1 và 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả tổng cộng số tiền nợ vốn là 18.710.000 đồng (gồm có tiền nợ vốn là: 15.574.000 đồng; nợ lãi (phí) là: 3.136.000 đồng) và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bị đơn thanh toán xong nợ.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 94, Điều 97, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 1 và 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã T đối với bà Nguyễn Thị Thu L.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu L có trách nhiệm trả cho Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã T số tiền vay nợ là: 18.710.000 đồng (Mười tám triệu, bảy trăm mười nghìn đồng) (bao gồm nợ vốn: 15.574.000 đồng; Nợ lãi (phí) 3.136.000 đồng) và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bà Nguyễn Thị Thu L thanh toán xong nợ.

Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 935.500 đồng (Chín trăm ba mươi lăm nghìn, năm trăm đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã T là 467.750 đồng (Bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0052670 ngày 02/06/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự (6);
- TAND TP.HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 (2);
- Thi hành án dân sự TP.HCM (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ôn Kim Chi